

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO PHONG
TỈNH HÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ - ST
Ngày 12/01/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÀ BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Anh và bà Trần Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong - tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Cao Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 94/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/ QĐST – HNGĐ ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi H K, sinh năm 1970 (*Vắng mặt có lý do*)

Địa chỉ: Xóm Nhõ 3, xã Xuân Ph, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (*vắng mặt không có lý do*)

Địa chỉ: Xóm Nhõ 3, xã Xuân Ph, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/5/2022 và ý kiến tại bản tự khai, nguyên đơn anh Bùi H K trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Phong, huyện Cao Phong (*nay là xã Hợp Phong*) vào năm 1994. Sau khi kết hôn chị H chuyển về sinh sống tại nhà anh

K tại xã Xuân Phong, huyện Cao Phong (Nay là xã Hợp Phong), quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2004 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, giữa hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay chị H đã bỏ đi làm ăn, vợ chồng sống ly thân. Trong khoảng thời gian ly thân, chị H vẫn thỉnh thoảng về thăm con, anh vẫn liên hệ với chị H nhưng vợ chồng nói chuyện thường xuyên cãi chửi nhau, chị H cũng không cho anh K biết địa chỉ ở đâu. Cho đến thời điểm này, anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

Về con chung: Anh K và chị H có hai con chung, cháu lớn tên là Bùi Huy H sinh ngày 09/7/1995. Cháu thứ hai tên là Bùi Thị Minh H sinh ngày 31/12/1997, hiện các con đã trưởng thành, sức khỏe tốt, vì vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết Ngoài ra anh K không có yêu cầu gì thêm.

Về phía chị Nguyễn Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh được biết chị H đi đâu không khai báo với chính quyền địa phương, tuy nhiên thỉnh thoảng chị H vẫn về thăm con nhưng không cho anh K biết địa chỉ chị đang ở đâu. Xét thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

**** Tại biên bản xác minh ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong tại chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình của anh Bùi H K có nội dung:***

Anh Bùi H K và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Xuân Phong, huyện Cao Phong (nay là xã Hợp Phong) vào năm 1994. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, chị H đi làm ăn, vợ chồng hiện tại đang sống ly thân, vì vậy khả năng đoàn tụ là rất khó.

2/ Tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi H K vắng mặt có lý do, trong đơn xin xét xử vắng mặt anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung, tài sản chung và công nợ chung, anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Về án phí: Anh K tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

3/ Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa anh K và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K

- Về con chung: Anh K và chị H có hai con chung tên là Bùi Huy H sinh ngày 09/7/1995 và Bùi Thị Minh H sinh ngày 31/12/1997, anh K xác định các con đã trưởng thành vì vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Cần chấp nhận yêu cầu của anh K

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: Không có

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh K pH nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “ly hôn”, do nguyên đơn anh Bùi H K là người khởi kiện; bị đơn chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại xóm Nhõ 3, xã Hợp Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Theo kết quả xác minh tại Công an xã Hợp Phong, huyện Cao Phong thể hiện: Chị Nguyễn Thị H sinh ngày 15/2/1973 vợ anh Bùi H K có cư trú tại xóm Nhõ 3, xã Hợp Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Hiện nay chị H bỏ đi đâu không khai báo chính quyền địa phương, cố tình giấu địa chỉ. Như vậy, căn cứ vào kết quả xác minh cho thấy: Hiện nay chị H đã thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc mà không thông báo cho nguyên đơn cũng như chính quyền địa phương biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40; điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ

luật dân sự 2015; điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tổng đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn là chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án niêm yết các văn bản giấy tờ họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong là đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh K và chị H không hạnh phúc nguyên nhân là do không hợp nhau, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên nảy sinh cãi vã, chị H đi làm ăn xa cũng ít khi về thăm nhà, chỉ thỉnh thoảng về thăm con, vợ chồng không có tiếng nói chung, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu anh K được ly hôn với chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh K và chị H có hai con chung tên là Bùi Huy H sinh ngày 09/7/1995 và Bùi Thị Minh H sinh ngày 31/12/1997, anh K

xác định các con đã trưởng thành, sức khỏe tốt, vì vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Cần chấp nhận yêu cầu của anh K

[5]. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Anh Bùi H K xác nhận không có tài sản chung, công nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lời khai về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Hoa pH chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi H K đối với chị Nguyễn Thị H về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi H K được ly hôn với chị Nguyễn Thị H

2. Về án phí: Anh Bùi H K pH chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001734 ngày 23/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong. Anh Bùi H K đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Thịnh

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

